

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSAGE HỒNG LÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSAGE HỒNG LÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG LAU MASSAGE SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HONG LAU MASSAGE SERVICES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702982419

**3. Ngày thành lập:** 24/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, 4, 6 Đường C3, Khu 3, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 096 7377790

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5629        |
| 2.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5630        |
| 3.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).                                                                                   | 9610(Chính) |
| 4.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia -<br>Bán lẻ đồ uống không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, nước chanh, nước quả khác - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác | 4723        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, không cồn                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4299        |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                             | 4931        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, quản lý bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)                                                                                                                                                                      | 6820 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán).                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4752 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(trừ thiết kế xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410 |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5022 |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ, điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                    | 4321 |
| 21. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>(Không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                              | 2395 |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322 |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102 |
| 25. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4511 |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211 |
| 27. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329 |
| 31. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390 |

**6. Vốn điều lệ:** 860.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN TRỌNG KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/05/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 280643381

Ngày cấp: 10/11/2010

Nơi cấp: Công an Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Khu 6, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 6, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương